UNIT 1:

HOBBIES

GETTING STARTED

- upstairs	(adv): ở trên lầu
- show	(v) : cho xem, trưng bày
- dollhouse	(n) : nhà búp bê
- gardening	(n) : nghề làm vườn
- cardboard	(n) : bìa các tông
- creativity	(n) : óc sáng tạo, sự sáng tạo
- horse-riding	(n) : việc cưỡi ngựa
- unusual	(adj) : khác thường
- common	(adj) : thông thường, phổ biến
- teddy bear	(n) : gấu nhồi bông
- making models	(n) : làm mô hình
- coin	(n) : đồng xu, tiền kim loại
- glue	(n) : keo dán, hồ

LIVEWORKSHEETS